KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN: KINH TẾ XÂY DỰNG(QL5001)

Lần thi: 1 Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017

Phòng thi: H-H 6. 05 Ngày thi: 31/03/2017

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1351010001	Đinh Thị An	2013K1	10	7	7.6	B	
2	1351010002	Đỗ Duy An	2013K2	8	9	8.8	A	
3	1351010014	Đoàn Tuấn Anh	2013K7	10	9	9.2	A	
4	1351010004	Lương Đức Anh	2013K4	5	6	5.8	C	
5	1351010006	Nguyễn Quang Anh	2013K6	8	7	7.2	B	
6	1351010008	Nguyễn Thị Vân Anh	2013K1	6	7	6.8	C	
7	1351010010	Nguyễn Việt Anh	2013K3	6	7	6.8	C	
8	1351010011	Phan Tuấn Anh	2013K4	7	7	7	B	
9	1351010012	Trần Tuấn Anh	2013K5	6	8	7.6	B	
10	1351010013	Vũ Tuấn Anh	2013K6	7	7	7	B	
11	1351010015	Đỗ Thị Ngọc Ánh	2013K1	9	6	6.6	C	
12	1351010016	Nguyễn Tiến Bảo	2013K2	8.5	7	7.3	B	
13	1351010018	Nguyễn Đăng Bình	2013K4	7.5	8	7.9	B	
14	1351010019	Trần Bình	2013K5	4	8	7.2	B	
15	1351010028	Nguyễn Khắc Cầm	2013K7	10	9.5	9.6	A	
16	1351010037	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	2013K2	9	8	8.2	B	
17	1351010036	Tạ Văn Chất	2013K1	9	6	6.6	C	
18	1351010029	Bùi Văn Châu	2013K1	7	5	5.4	D	
19	1351010030	Nguyễn Giản Chiêm	2013K2	8.5	6	6.5	C	
20	1351010035	Vũ Văn Chuẩn	2013K7	8.5	9	8.9	A	
21	1351010034	Đặng Vân Chung	2013K6	8.5	9	8.9	A	
22	1351010032	Nguyễn Công Chung	2013K4	7	8	7.8	B	
23	1351010033	Nguyễn Văn Chung	2013K5	9	5.5	6.2	C	
24	1351010020	Nguyễn Chiến Công	2013K6	5.5	0	1.1	F	
25	1351010021	Nguyễn Tiến Công	2013K7	6.5	9	8.5	A	
26	1351010023	Đỗ Đình Cương	2013K2	7	5.5	5.8	C	
27	1351010022	Hoàng Xuân Cương	2013K1	7	9	8.6	A	
28	1351010025	Nguyễn Đức Cường	2013K4	6.5	8	7.7	B	
29	1351010026	Nguyễn Đức Cường	2013K5	9	9	9	A	
30	1351010024	Nguyễn Mạnh Cường	2013K3	6	7	6.8	C	
31	1351010027	Thân Mạnh Cường	2013K6	7.5	6	6.3	C	
32	1351010065	Trần Văn Đắc	2013K2	8.5	9	8.9	A	
33	1351010064	Tô Anh Đài	2013K1	8	4	4.8	D	
34	1351010075	Đỗ Văn Đại	2013K5	7	10	9.4	A	
35	1351010061	Lê Đam	2013K5	6	5.5	5.6	C	
36	1351010062	Ngô Hồng Đăng	2013K6	9	9	9	A	
37	1351010063	Nguyễn Đình Đăng	2013K7	5	6	5.8	C	
38	1451030363	Phùng Hải Đăng	2014X6	6	6	6	C	
39	1351010563	VIXAY DAOVANNA	2013K3	5	6.5	6.2	C	
40	1351010077	Đinh Công Đạt	2013K7	10	9	9.2	A	
41	1351010076	Nguyễn Văn Đạt	2013K6	7	9	8.6	A	
42	1351010067	Nguyễn Dương Định	2013K4	7	5	5.4	D	
43	1351010068	Nguyễn Văn Định	2013K5	6	9	8.4	B	
44	1351010069	Nguyễn Đức Đoàn	2013K6	8	8.5	8.4	B	
45	1351010050	Nguyễn Tiến Duẩn	2013K1	7	8	7.8	B	
46	1351010070	Dương Tuyên Đức	2013K7	9.5	8.5	8.7	A	
47	1451050020	Ngô Minh Đức	2014D2	4	0	0.8	F	
48	1351010071	Nguyễn Văn Đức	2013K1	9	7	7.4	B	
49	1251010011	Nguyễn Văn Đức	2012K1	5	8.5	7.8	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
50	1351010072	Phan Văn Đức	2013K2	9	8.5	8.6	A	
51	1351010073	Trần Anh Đức	2013K3	9	6.5	7	B	
52	1351010074	Trần Đăng Đức	2013K4	7	6.5	6.6	C	
53	1551030317	Bùi Văn Dung	2015X4	9.5	9	9.1	A	
54	1351010059	Đặng Tiến Dũng	2013K2	8	9	8.8	A	
55	1351010051	Kim Mạnh Dũng	2013K3	6	7.5	7.2	B	
56	1351010052	Lê Việt Dũng	2013K3	6	0	1.2	F	
57	1351010054	Nguyễn Tiến Dũng	2013K5	6	8	7.6	B	
58	1351010057	Nguyễn Văn Dũng	2013K1	8	5	5.6	C	
59	1351010055	Nguyễn Văn Dũng	2013K6	8	9	8.8	A	
60	1351010056	Nguyễn Văn Dũng	2013K7	8.5	8.5	8.5	A	
61	1351010058	Phạm Tiến Dũng	2013K2	8	6	6.4	C	
62	1351010040	Kiều Triều Dương	2013K5	4	0	0.8	F	
63	1351010041	Lê Hải Dương	2013K6	4	8.5	7.6	B	
64	1351010042	Nguyễn Thị Thùy Dương	2013K7	9	0	1.8	F	
65	1351010047	Đỗ Quốc Duy	2013K5	6	4	4.4	D	
66	1351010048	Đỗ Văn Duy	2013K6	6.5	7	6.9	C	
67	1351010044	Nguyễn Trọng Duy	2013K2	8.5	9.5	9.3	A	
68	1351010045	Nguyễn Văn Duy	2013K3	7	7	7	B	
69	1351010081	Đoàn Thị Giang	2013K1	10	9	9.2	A	
70	1351010079	Nguyễn Hà Giang	2013K2	8	9	8.8	A	
71	1351010078	Nguyễn Hương Giang	2013K4	7.5	9	8.7	A	
72	1351010080	Nguyễn Trường Giang	2013K3	0	0	0	F	
73	1351010090	Đỗ Thị Hà	2013K6	8.5	7.5	7.7	B	
74	1351010092	Nguyễn Bá Hải	2013K1	7	7	7	B	
75	1351010095	Trần Long Hải	2013K4	7.5	5.5	5.9	C	
76	1351010091	Nguyễn Dương Hào	2013K7	9.5	8.5	8.7	A	
77	1351010104	Nguyễn Văn Hiệp	2013K6	8	9.5	9.2	A	
78	1351010105	Trần Hoàng Hiệp	2013K7	9	8.5	8.6	A	
79	1351010107	Võ Mạnh Hiệp	2013K2	8	8.5	8.4	B	
80	1451031011	Dương Văn Hiếu	2014X7	7	6.5	6.6	C	
81	1351010097	Lê Minh Hiếu	2013K6	6.5	8.5	8.1	B	
82	1351010098	Nguyễn Trọng Hiếu	2013K7	9.5	8.5	8.7	A	
83	1351010099	Nguyễn Trung Hiếu	2013K1	8	6.5	6.8	C	
84	1351010101	Trần Bá Hiếu	2013K5	6	6	6	C	
85	1351010100	Trương Xuân Hiếu	2013K2	8	8	8	B	
86	1351010108	Ngô Quang Hiệu	2013K3	9	7	7.4	B	
87	1251050020	Trần Văn Hồ	2012D1	6	3	3.6	F	
88	1351010109	Phạm Thị Hoa	2013K4	7.5	8	7.9	B	
89	1351010110	Phạm Thị Kim Hoa	2013K5	7	9	8.6	A	
90	1351010111	Bùi Xuân Hoà	2013K6	3	7.5	6.6	C	
91	1351010112	Phạm Thái Hoà	2013K7	0	0	0	F	
92	1351010118	Nguyễn Văn Hòa	2013K6	9	9.5	9.4	A	
93	1351010113	Mai Nam Hoàn	2013K1	10	8.5	8.8	A	
94	1351010115	Trần Huy Hoàng	2013K3	5	5	5	D	
95	1351010116	Vũ Huy Hoàng	2013K4	7.5	8.5	8.3	B	
96	1351010119	Điền Thị Vân Hồng	2013K7	10	9.5	9.6	A	
97	1351010120	Hứa Văn Huân	2013K1	6	5	5.2	D	
98	1351010121	Bùi Thị Hương Huế	2013K2	8.5	7	7.3	B	
99	1351010122	Lê Thị Huệ	2013K3	7	0	1.4	F	
100	1351010123	Nguyễn Thị Huệ	2013K4	9.5	6.5	7.1	B	
101	1351010124	Nguyễn Thị Huệ	2013K5	7	7	7	B	
102	1351010133	Ngô Xuân Hùng	2013K7	8	4.5	5.2	D	
103	1351010135	Nguyễn Hữu Hùng	2013K2	8.5	5	5.7	C	
104	1351010136	Phan Văn Hùng	2013K4	9	9.5	9.4	A	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
105	1351010137	Phạm Mạnh Hùng	2013K3	6	6.5	6.4	C	
106	1351010138	Trần Văn Hùng	2013K5	4	0	0.8	F	
107	1351010084	Hoàng Mạnh Hưng	2013K7	0	0	0	F	
108	1151010115	Lương Thành Hưng	2011K1	0	0	0	F	K
109	1351010085	Nguyễn Đăng Hưng	2013K1	10	9	9.2	A	
110	1351010086	Phạm Quang Hưng	2013K2	9	8.5	8.6	A	
111	1351010088	Vũ Ngọc Hưng	2013K4	8	3	4	D	
112	1351010083	Vũ Thanh Hương	2013K6	9	7	7.4	B	
113	1351010089	Nguyễn Duy Hướng	2013K5	6	6	6	C	
114	1351010125	Phạm Quang Huy	2013K6	6.5	8	7.7	B	
115	1351010126	Phạm Xuân Huy	2013K7	9	7.5	7.8	B	
116	1351010128	Trần Quang Huy	2013K2	9	7	7.4	B	
117	1351010129	Trần Quốc Huy	2013K3	6	8.5	8	B	
118	1351010127	Trương Chí Huy	2013K1	7	5	5.4	D	
119	1351010131	Nguyễn Thị Huyền	2013K5	8	7.5	7.6	B	
120	1351010132	Nguyễn Thông Huỳnh	2013K6	8.5	9	8.9	A	
121	1351010140	Cao Duy Khánh	2013K7	9	9	9	A	
122	1351010141	Phạm Ngọc Khánh	2013K1	6	8.5	8	B	
123	1351010142	Trịnh Quốc Khánh	2013K2	8	6	6.4	C	
124	1351010143	Nguyễn Ngọc Khu	2013K3	6	3.5	4	D	
125	1351010148	Đỗ Duy Kiên	2013K1	5	7	6.6	C	
126	1351010144	Ngô Tuấn Hồng Kiên	2013K4	7.5	8.5	8.3	B	
127	1351010147	Nguyễn Đức Kiên	2013K7	9	3	4.2	D	
128	1351010145	Nguyễn Ngọc Kiên	2013K5	7	6	6.2	C	
129	1351010146	Nguyễn Trung Kiên	2013K6	8	8.5	8.4	B	
130	1351010149	Chu Tuấn Kiệt	2013K2	9	6.5	7	B	
131	1351010153	Nguyễn Ngọc Lâm	2013K6	4	6	5.6	C	
132	1351010154	Nguyễn Tùng Lâm	2013K7	10	8.5	8.8	A	
133	1351010151	Trần Thị Lan	2013K4	3	6	5.4	D	
134	1351010159	Nguyễn Duy Liêm	2013K5	6	3	3.6	F	
135	1351010160	Phạm Thị Kim Liên	2013K6	8	8.5	8.4	B	
136	1351010167	Đặng Trần Nhật Linh	2013K2	9	8.5	8.6	A	
137	1351010168	Đỗ Thùy Linh	2013K7	9.5	7.5	7.9	B	
138	1351010162	Lại Vũ Linh	2013K1	7	6.5	6.6	C	
139	1351010161	Lưu Thị Khánh Linh	2013K7	9.5	7	7.5	B	
140	1351010164	Nguyễn Duy Linh	2013K3	7	2.5	3.4	F	
141	1351010165	Nguyễn Hoàng Gia Linh	2013K4	8	7.5	7.6	B	
142	1351010166	Nguyễn Tuấn Linh	2013K5	8	8	8	B	
143	1351010163	Nông Quế Linh	2013K6	8	5.5	6	C	
144	1351010169	Trần Thị Bích Loan	2013K1	9	3	4.2	D	
145	1351010170	Hoàng Công Long	2013K2	7.5	4	4.7	D	
146	1351010171	Lương Hải Long	2013K3	5	3.5	3.8	F	
147	1351010172	Ngô Quốc Long	2013K4	5.5	9	8.3	B	
148	1351010174	Nguyễn Thành Long	2013K6	8.5	8	8.1	B	
149	1351010175	Nguyễn Văn Long	2013K7	9	4	5	D	
150	1351010176	Cao Văn Luân	2013K1	4	0	0.8	F	
151	1351010156	Lê Thị Lương	2013K2	7.5	8	7.9	B	
152	1351010157	Nguyễn Thị Mỵ Lương	2013K3	9	4.5	5.4	D	
153	1351010178	Hoàng Thị Minh Lý	2013K3	9	4.5	5.4	D	
154	1351010179	Nguyễn Thị Phương Mai	2013K4	6	9.5	8.8	A	
155	1151010183	Bùi Tuấn Mạnh	2011K4	0	0	0	F	K
156	1351010189	Lương Văn Mạnh	2013K7	5	7	6.6	C	
157	1351010180	Bùi Quang Minh	2013K2	8.5	7	7.3	B	
158	1351010181	Hoàng Văn Minh	2013K6	8.5	5	5.7	C	
159	1351010183	Nguyễn Công Minh	2013K5	6	3.5	4	D	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
160	1351010186	Nguyễn Đức Minh	2013K4	6	4.5	4.8	D	
161	1351010185	Nguyễn Thị Minh	2013K7	10	6	6.8	C	
162	1351010187	Phùng Cao Minh	2013K5	7	0	1.4	F	
163	1351010188	Thùng Đồng Quang Minh	2013K6	5	2	2.6	F	
164	1351010190	Cao Văn Nam	2013K1	4	4.5	4.4	D	
165	1351010194	Đàm Phương Nam	2013K5	4	0	0.8	F	
166	1351010192	Nguyễn Đức Nam	2013K3	6	0	1.2	F	
167	1351010193	Tạ Thành Nam	2013K4	7.5	5	5.5	C	
168	1351010195	Nguyễn Thị Thu Nga	2013K6	8	7	7.2	B	
169	1351010196	Phan Thuý Nga	2013K7	8	5	5.6	C	
170	1351010197	Nguyễn Thu Ngân	2013K1	9	6.5	7	B	
171	1351010198	Võ Kim Ngân	2013K2	7.5	6.5	6.7	C	
172	1351010202	Trần Hải Nguyên	2013K6	8.5	5.5	6.1	C	
173	1351010207	Nguyễn Hoàng Nhật	2013K4	0	0	0	F	K
174	1151010202	Phạm Thị Kiều Nhi	2012K1	0	0	0	F	K
175	1351010205	Lương Thị Hồng Nhung	2013K2	8.5	7	7.3	B	
176	1351010206	Nguyễn Hồng Nhung	2013K3	9	5.5	6.2	C	
177	1351010564	VITHAPHON	2013K3	5	1	1.8	F	
178	1351010215	Đỗ Xuân Phong	2013K5	7	6	6.2	C	
179	1351010216	Nguyễn Bá Phú	2013K3	6	4.5	4.8	D	
180	1351010217	Nguyễn Quý Phú	2013K7	9.5	7	7.5	B	
181	1351010218	Trần Quang Phú	2013K1	6	7	6.8	C	
182	1351010219	Lê Văn Phúc	2013K2	8	9.5	9.2	A	
183	1351010220	Nguyễn Văn Phúc	2013K6	0	0	0	F	K
184	1451030240	Quách Thanh Phúc	2014X6	9	8	8.2	B	
185	1451030235	Đặng Hữu Phước	2014X2	9	0	1.8	F	
186	1351010213	Đào Anh Phương	2013K3	6	8	7.6	B	
187	1351010208	Nguyễn Văn Phương	2013K5	6	9	8.4	B	
188	1351010209	Phan Thị Chi Phương	2013K6	9.5	9	9.1	A	
189	1351010212	Trần Thị Mai Phương	2013K2	9	9	9	A	
190	1351010211	Trương Thị Phương	2013K1	9	3.5	4.6	D	
191	1451050067	Vũ Thị Song Phương	2014D1	9	0	1.8	F	
192	1351010214	Nguyễn Thị Bích Phượng	2013K4	9	5	5.8	C	
193	1351010224	Hà Minh Quân	2013K7	7	6	6.2	C	
194	1351010225	Lê Anh Quân	2013K1	9	5	5.8	C	
195	1351010226	Lê Duy Quân	2013K2	7.5	9	8.7	A	
196	1351010228	Ngô Hải Quân	2013K4	8.5	7	7.3	B	
197	1351010231	Nguyễn Đình Quân	2013K7	9	7.5	7.8	B	
198	1351010230	Nguyễn Ngọc Quân	2013K6	9.5	6	6.7	C	
199	1351010232	Trần Đình Quân	2013K1	10	6.5	7.2	B	
200	1351010223	Đặng Minh Quang	2013K6	9	6.5	7	B	
201	1351010221	Nguyễn Khắc Quang	2013K4	8	10	9.6	A	
202	1351010222	Nguyễn Mạnh Quang	2013K5	7	5.5	5.8	C	
203	1351010237	Nguyễn Phúc Quý	2013K6	6.5	6	6.1	C	
204	1351010233	Trần Thị Quyên	2013K2	8.5	9.5	9.3	A	
205	1351010234	Chu Mạnh Quyền	2013K3	8	5.5	6	C	
206	1351010235	Nguyễn Thái Quyền	2013K4	6.5	8	7.7	B	
207	1351010236	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	2013K5	7	7	7	B	
208	1351010242	Trần Ngọc Sáng	2013K4	7	7	7	B	
209	1351010238	Lưu Hồng Sơn	2013K7	9.5	8	8.3	B	
210	1351010240	Nguyễn Đình Ngọc Sơn	2013K2	8.5	9.5	9.3	A	
211	1351010239	Nguyễn Trọng Hải Sơn	2013K1	9	9.5	9.4	A	
212	1351010241	Vũ Đình Sơn	2013K3	6	5	5.2	D	
213	1351010247	Nguyễn Mạnh Tài	2013K2	8	8.5	8.4	B	
214	1351010244	Phạm Thị Thanh Tâm	2013K6	7.5	7	7.1	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
215	1351010245	Nguyễn Minh Tân	2013K7	9	5	5.8	C	
216	1351010246	Phạm Tân	2013K1	9	6.5	7	B	
217	1351010258	Nguyễn Hữu Thái	2013K6	8.5	7	7.3	B	
218	1351010259	Triệu Quang Thái	2013K7	9	5	5.8	C	
219	1551030118	Phạm Thị Thắm	2015X1	9	6	6.6	C	
220	1351010252	Nguyễn Văn Thăng	2013K7	9.5	2.5	3.9	F	
221	1351010261	Nguyễn Xuân Thắng	2013K2	9	6	6.6	C	
222	1351010265	Tưởng Phúc Thắng	2013K7	10	6	6.8	C	
223	1351010262	Trần Công Thắng	2013K3	6	7.5	7.2	B	
224	1351010263	Trần Mạnh Thắng	2013K4	6.5	6	6.1	C	
225	1351010251	Đỗ Lê Thanh	2013K6	0	0	0	F	K
226	1551050020	Hoàng Ngọc Thanh	2015D1	9	4.5	5.4	D	
227	1351010249	Nguyễn Thái Thanh	2013K4	6	7	6.8	C	
228	1351010250	Trần Ngọc Thanh	2013K5	9	7	7.4	B	
229	1351010270	Đoàn Đức Thành	2013K4	7.5	9.5	9.1	A	
230	1051010262	Kiều Trọng Thành	2010K3	5	0	1	F	
231	1351010267	Nguyễn Tiến Thành	2013K1	8	4.5	5.2	D	
232	1351010268	Nguyễn Tiến Thành	2013K2	9	6	6.6	C	
233	1351010266	Nông Trường Thành	2013K7	8.5	5.5	6.1	C	
234	1351010269	Võ Huy Thành	2013K3	8	4	4.8	D	
235	1351010271	Vương Thị Thảnh	2013K5	8	9	8.8	A	
236	1351010272	Nông Thị Thảo	2013K6	9.5	9.5	9.5	A	
237	1351010273	Phan Thị Thảo	2013K7	9	9.5	9.4	A	
238	1351010274	Phan Thị Thu Thảo	2013K1	9	8	8.2	B	
239	1351010275	Phan Mạnh Thế	2013K2	8	7.5	7.6	B	
240	1251010267	Nguyễn Văn Thi	2013K6	7	7.5	7.4	B	
241	1351010277	Phạm Tài Thịnh	2013K4	4	8	7.2	B	
242	1351010279	Nguyễn Văn Thọ	2013K6	7	7	7	B	
243	1351010254	Trần Thị Thơm	2013K2	8	9.5	9.2	A	
244	1351010280	Đào Thị Hiền Thu	2013K7	9	7	7.4	B	
245	1351010287	Đỗ ích Thụ	2013K7	9.5	4	5.1	D	
246	1351010282	Nguyễn Văn Thuận	2013K2	8	8	8	B	
247	1351010255	Hoàng Thị Thương	2013K3	8	3.5	4.4	D	
248	1351010256	Nguyễn Thị Thương	2013K4	7.5	8	7.9	B	
249	1351010257	Nguyễn Văn Thưởng	2013K5	9	2	3.4	F	
250	1351010286	Trần Thị Thanh Thúy	2013K6	9	4.5	5.4	D	
251	1351010284	Hà Thanh Thủy	2013K4	8	8	8	B	
252	1351010288	Nguyễn Minh Tiến	2013K1	6	3.5	4	D	
253	1351010291	Bùi Hữu Toàn	2013K4	8	7	7.2	B	
254	1351010294	Nguyễn Đăng Toàn	2013K7	9	6	6.6	C	
255	1351010292	Nguyễn Mạnh Toàn	2013K5	7	4.5	5	D	
256	1351010295	Tống Quang Toàn	2013K2	7	6	6.2	C	
257	1351010296	Vũ Ngọc Toàn	2013K1	4	0	0.8	F	
258	1351010298	Trần Văn Toản	2013K4	9	7	7.4	B	
259	1351010305	Đào Thị Hà Trang	2013K4	7	7.5	7.4	B	
260	1351010299	Nguyễn Công Trang	2013K5	6	0	1.2	F	
261	1351010301	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2013K7	10	9.5	9.6	A	
262	1351010303	Trịnh Thu Trang	2013K2	7	7	7	B	
263	1351010304	Vũ Thị Thu Trang	2013K3	8	7	7.2	B	
264	1351010356	Nguyễn Tuyết Trinh	2013K7	8.5	0	1.7	F	
265	1351010308	Nguyễn Hữu Trọng	2013K7	9.5	8.5	8.7	A	
266	1351010309	Nguyễn Phú Trọng	2013K1	8	7	7.2	B	
267	1351010310	Khoa Văn Trung	2013K2	7.5	8.5	8.3	B	
268	1351010311	Nguyễn Quang Trung	2013K3	8	6.5	6.8	C	
269	1351010312	Nguyễn Thành Trung	2013K4	7	7.5	7.4	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
270	1351010313	Nguyễn Văn Trung	2013K5	9	9.5	9.4	A	
271	1351010314	Phạm Việt Trung	2013K6	0	0	0	F	K
272	1351010306	Đoàn Văn Trường	2013K5	8	7	7.2	B	
273	1351010307	Vũ Duy Trưởng	2013K6	8.5	8	8.1	B	
274	1551050074	Nguyễn Kim Tú	2015D1	8	8	8	B	
275	1351010342	Phạm Xuân Tú	2013K6	3	7	6.2	C	
276	1351010343	Trần Văn Tú	2013K7	9.5	8	8.3	B	
277	1351010316	Tống Văn Tuân	2013K1	6	4.5	4.8	D	
278	1351010321	Dương Anh Tuấn	2013K6	7.5	5.5	5.9	C	
279	1351010331	Đặng Văn Tuấn	2013K2	7	5	5.4	D	
280	1351010332	Đỗ Vĩnh Tuấn	2013K3	6	6.5	6.4	C	
281	1351010322	Lê Quang Tuấn	2013K7	8.5	4.5	5.3	D	
282	1351010323	Lê Văn Tuấn	2013K1	10	10	10	A	
283	1351010324	Nguyễn Anh Tuấn	2013K2	0	0	0	F	
284	1351010326	Nguyễn Mạnh Tuấn	2013K4	7	8.5	8.2	B	
285	1351010327	Nguyễn Mạnh Tuấn	2013K5	8	8	8	B	
286	1351010325	Nguyễn Minh Tuấn	2013K3	8	0	1.6	F	
287	1551030323	Phan Bùi Tuấn	2015X3	8.5	8	8.1	B	
288	1351010328	Phan Đình Tuấn	2013K6	9.5	10	9.9	A	
289	1351010330	Tưởng Quang Thanh	2013K1	0	0	0	F	K
290	1351010333	Hà Sơn Tùng	2013K4	7.5	9	8.7	A	
291	1351010334	Lê Mạnh Tùng	2013K6	3	6	5.4	D	
292	1351010335	Ngô Sách Tùng	2013K3	8	7.5	7.6	B	
293	1351010337	Nguyễn Duy Tùng	2013K1	5	6.5	6.2	C	
294	1351010338	Nguyễn Hoàng Tùng	2013K2	7.5	5.5	5.9	C	
295	1351010339	Nguyễn Ngọc Tùng	2013K5	6	6	6	C	
296	1351010340	Thẩm Vũ Thanh Tùng	2013K4	7.5	6	6.3	C	
297	1351010318	Đỗ Đăng Tuyên	2013K3	6	6.5	6.4	C	
298	1351010319	Phạm Văn Tuyền	2013K4	7	10	9.4	A	
299	1351010320	Vũ Quang Tuyền	2013K5	6	6.5	6.4	C	
300	1351010345	Đỗ Nguyễn Hải Uyên	2013K2	7	2.5	3.4	F	
301	1351010349	Đào Thị Vân	2013K6	9.5	9.5	9.5	A	
302	1351010346	Hoàng Thị Khánh Vân	2013K3	7	8.5	8.2	B	
303	1351010347	Nguyễn Thị Vân	2013K4	8	10	9.6	A	
304	1351010351	Lê Văn Vinh	2013K1	8	8.5	8.4	B	
305	1351010353	Tạ Thế Vũ	2013K3	6	1	2	F	
306	1351010354	Nguyễn Thị Xuân	2013K4	8.5	8	8.1	B	

- Tổng số điểm A: 61
- Tổng số điểm B: 100
- Tổng số điểm C: 70
- Tổng số điểm D: 35
- Tổng số điểm F: 40
- Tổng số điểm X: 0
- Tổng số điểm I: 0

18 tháng 4 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG TT - KT & ĐBCL